

Lễ hội chùa Quan Âm

Vũ Hồng Thuật^(*)

Nguyễn Thanh Sinh^(**)

Tóm tắt: Tín ngưỡng thờ Phật Bà Quan Âm giữ một vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa của người Việt. Hầu hết trong các ngôi chùa đều có tượng thờ Phật Bà Quan Âm, nhưng chỉ có chùa Quan Âm ở quận Ngũ Hành Sơn mới tổ chức lễ hội vào ngày 19 tháng Hai âm lịch. Đây là lễ hội vừa mang nét văn hóa Phật giáo, vừa mang đậm tín ngưỡng dân gian khu vực miền Trung, với hai phần lễ và hội. Ngoài ra, lễ hội này còn có những chức năng xã hội nhất định.

Từ khóa: Lễ hội, Chùa Quan Âm, Chức năng xã hội

Abstract: The belief of worshipping Quan Am (Avalokitesvara Bodhisattva) plays an important role in Vietnamese cultural life. While the statue of Avalokitesvara Bodhisattva is worshipped in most pagodas in Vietnam, the festival is only celebrated by the one in Ngu Hanh Son district (Da Nang province) on February 19th of the lunar calendar. The festival which consists of two parts: the religious ceremony and festival itself, reflects the association between the Buddhist culture and folk beliefs in the Central region of Vietnam. In addition, it also performs certain social functions.

Keywords: Festival, Avalokitesvara Bodhisattva Pagoda, Social Functions

Đặt vấn đề

Tôn giáo, tín ngưỡng là một hình thức hoạt động xã hội mang tính cá nhân và tập thể. Xưa nay, ngôi chùa Việt luôn giữ một vị trí quan trọng trong đời sống tinh thần của người Việt. Đây không chỉ là nơi thờ tự mang tính tôn giáo, tín ngưỡng mà còn là điểm gửi gắm niềm tin, ước vọng của

chúng sinh đối với Phật nhằm định hướng con người làm việc thiện, tránh việc ác và hướng đến một xã hội an lành. Từ đó, ngôi chùa đã trở thành điểm sinh hoạt văn hóa tâm linh chung của cộng đồng.

Chùa Quán Thế Âm (chùa Quan Âm) tọa lạc ở núi Thủy Sơn, thuộc khu di tích danh lam thắng cảnh Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng. Lễ hội chùa Quan Âm vừa mang tư tưởng văn hóa Phật giáo, vừa chứa đựng các giá trị tín ngưỡng dân gian của người Việt ở miền Trung. Ngoài ra, lễ hội này còn bao hàm cả công năng xã hội với nhiều phương diện khác nhau, nhằm thúc đẩy phát triển

^(*) TS, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;

Email: vuhongthuat@gmail.com

^(**) TS, Đại học Duy Tân, Đà Nẵng;

Email: thanhsinhhue@gmail.com

kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương theo hướng bền vững¹.

1. Vài nét về chùa Quan Âm

Quần thể danh thắng Ngũ Hành Sơn có sáu ngọn núi mọc giữa vùng đồng bằng ven biển, đó là Kim Sơn, Mộc Sơn, Thủy Sơn, Thổ Sơn, Dương Hòa Sơn, Âm Hòa Sơn. Vua Minh Mạng dựa theo nguyên lý của Khổng giáo đặt tên nhóm núi này là “Ngũ Hành Sơn”, còn người dân Quảng Nam vẫn quen gọi là “Núi Non Nước”. *Trong sáu ngọn núi ở “Núi Non Nước” thì ngọn Âm Hòa Sơn và Dương Hòa Sơn liền kề nhau nên từ xa xưa người ta đã gộp lại thành tên gọi là Hòa Sơn. Người Việt ở miền Trung chịu ảnh hưởng của Dịch học nên muốn gộp sáu ngọn núi thành năm ngọn núi, tượng trưng cho ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ* (PVS sư thầy Thích Huệ Vinh, trụ trì chùa Quan Âm).

Với vị trí đặc địa về phong thủy và phong cảnh hữu tình, quần thể danh thắng Ngũ Hành Sơn đã được nhiều đời các vị cao tăng đến khảo sát, lập chùa tu luyện với mục đích thông linh, giác ngộ, mang ánh sáng của chư Phật đến với chúng sinh, cầu quốc thái dân an. Nơi đây có một hang động nằm sâu trong lòng núi Thủy Sơn hướng ra dòng sông Cổ Cò. Khu vực này trước đây là vùng giáp ranh với sông Hàn, phía Đông Nam hướng ra biển nên các vị tăng sư và người dân chủ yếu đi lại bằng thuyền. Phương kế mưu sinh của người dân là làm nông nghiệp, ngư nghiệp và nghề chạm khắc đá. Sau năm 1975, trụ sở làm việc của các cơ quan, ban ngành được xây dựng

hiều ở đây, kéo theo một luồng di cư mới đến khu vực này. Hiện nay quận Ngũ Hành Sơn, phía Đông giáp biển, phía Tây giáp quận Cẩm Lệ và huyện Hòa Vang, phía Bắc giáp quận Sơn Trà, Hải Châu, phía Nam giáp thị xã Điện Bàn (Quảng Nam). Tổng diện tích tự nhiên của quận Ngũ Hành Sơn là khoảng 3.911 ha, dân số hơn 43 nghìn người (Ủy ban nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, <https://nguhanhson.danang.gov.vn>).

Do nằm trên tuyến đường giao thông chính nối thành phố Đà Nẵng với phố cổ Hội An, quận Ngũ Hành Sơn có vị trí đặc địa và điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng tốt và thuận lợi cho việc phát triển các loại hình du lịch tâm linh, nghỉ dưỡng, trải nghiệm leo núi, khám phá hang động, tham quan Bảo tàng Phật giáo. Có thể nói, quần thể di tích danh thắng Ngũ Hành Sơn là một tuyệt tác về cảnh quan thiên nhiên “son kỳ thủy tú”, huyền ảo thơ mộng. Chỉ riêng năm 2018, khu danh thắng Ngũ Hành Sơn đã đón hơn 1,99 triệu lượt khách đến tham quan, trong đó có 1,2 triệu lượt khách nước ngoài, tăng 34% so với năm 2017. Với tiềm năng phát triển văn hóa du lịch tâm linh hấp dẫn, ngày 24/12/2018, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 1820/QĐ-TTg xếp hạng thắng cảnh Ngũ Hành Sơn là di tích quốc gia đặc biệt (<https://baodanang.vn>).

Về nguồn gốc, Đức Quán Thế Âm là nam giới, con của Vua Vô Trách Niệm, xuất gia theo Phật và đắc quả hạnh nguyện Bồ tát, chuyên độ thoát, hướng đạo cho chúng sinh, giúp họ đủ nghị lực vượt qua những cơ cực trong cuộc sống. Bởi vậy, ý nghĩa tên gọi Quán Thế Âm Bồ tát tức là người luôn nghe tiếng kêu tha thiết từ chúng sinh ở cõi sa bà mà tới cứu khổ, giống như người mẹ hiền che chở cho con - người dân địa phương còn gọi Ngài là Từ mẫu Quán Thế Âm. “*Theo truyền thuyết dân gian ở*

¹ Để thu thập tư liệu cho bài viết, chúng tôi đã trực tiếp tham dự lễ hội chùa Quan Âm vào các năm 2018 và 2019 để quan sát, tham gia các nghi lễ, các hoạt động trong lễ hội và phỏng vấn sâu (PVS) một số nhà sư và Phật tử tham gia lễ hội.

Đà Nẵng, Phật Bà Quán Thế Âm đã hiển linh ở khu vực bán đảo Sơn Trà để cứu ngư dân tránh nạn cơn đại hồng thủy năm xưa, nên ở khu vực này có địa danh tên gọi là Bãi Bụt. Sự linh ứng của Ngài hiển linh cho các vị tăng sư tu trên các ngọn núi ở Ngũ Hành Sơn lập chùa và lấy tên gọi là chùa Quán Thế Âm” (PVS sư thầy Thích Huệ Vinh, trụ trì chùa Quan Âm). Trong ngôi chùa Việt có rất nhiều hình tượng của Ngài, như: Quán Âm Lộ Thiên, Quán Âm Thị Kính, Quán Âm Nam Hải, Quán Âm Cứu Khổ, Quán Âm Thiên Thủ Thiên Nhân... Ở chùa Quan Âm, hình tượng của Ngài đứng trên đài sen, tay phải cầm cành dương liễu, tay trái cầm bình nước Cam lồ, trên đỉnh đầu có hình đức Phật A Di Đà.

Bên cạnh chùa có một hang động lớn, bên trong có hình tượng Quan Âm đứng trên lưng con rồng, gắn liền với điển tích Ngài vượt cơn sóng dữ ngoài biển khơi cứu người bị nạn. Năm 1956, cổ hòa thượng Thích Pháp Nhãn có cơ duyên phát hiện ra hang động này. Theo văn bia tại tòa tháp trong chùa, năm 1957 hòa thượng Thích Pháp Nhãn đã cho lập chùa ngay bên cạnh cửa hang động, lấy tên chùa là Quán Thế Âm Bồ Tát tự, với ước nguyện kỷ niệm “nhân duyên” phát hiện ra hang động có hình tượng vị Bồ tát này vào năm 1956. Do chữ “quán” và “quan” trong Hán tự viết giống nhau và đều mang nghĩa “lắng nghe”, hơn nữa người Việt kiêng đặt tên chùa theo 4 chữ (số tử), nên Quán Thế Âm tự thường được gọi giản lược thành 3 chữ (số dương) “Quán Âm tự” hay “chùa Quan Âm”¹.

2. Lược sử lễ hội

Trong một năm, chùa Quan Âm có ba ngày lễ lớn (theo Âm lịch) là ngày 19 tháng

Hai (ngày Đức Quan Thế Âm đản sinh), ngày 19 tháng Sáu (ngày Đức Quan Thế Âm thành đạo), ngày 19 tháng Chín (ngày Đức Quán Thế Âm xuất gia). Trong ba lễ hội này, Lễ hội kỷ niệm ngày Đức Quan Thế Âm đản sinh (ngày 19 tháng Hai) (sau đây gọi tắt là lễ hội chùa Quan Âm) được xem là quan trọng nhất.

Lễ hội chùa Quan Âm được tổ chức lần đầu tiên vào năm 1960, nhân ngày khánh thành tượng Bồ Tát Quán Thế Âm ở động Hoa Nghiêm thuộc ngọn Thủy Sơn. Lễ hội đã mở ra một bước ngoặt trong lịch sử Phật giáo miền Trung là có lễ hội chùa. Lễ hội chùa thể hiện niềm tin của Phật tử với Đức Quan Âm, đồng thời qua lễ hội người dân địa phương muốn khẳng định nhu cầu tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội là một phần không thể thiếu trong cuộc sống. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1960-1975, khu vực Ngũ Hành Sơn thường xuyên chịu sự kiểm soát của Mỹ - Ngụy nên lễ hội chùa Quan Âm bị gián đoạn một thời gian dài.

Năm 1991, lễ hội chùa Quan Âm được khôi phục với một diện mạo mới về lễ hội văn hóa Phật giáo kết hợp với tín ngưỡng dân gian bản địa tạo nên một bầu không khí lễ hội đặc sắc, thu hút đông đảo người dân và cả khách du lịch.

Năm 2000, lễ hội chùa Quan Âm được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch lựa chọn là một trong 15 lễ hội của chương trình “Chào đón và điểm đến Thiên niên kỷ mới của Quốc gia”. Để vừa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt lễ hội của ngày càng đông du khách thập phương, vừa để tương xứng với tầm vóc của một lễ hội tầm cỡ quốc gia, Ban quản lý di tích chùa xây dựng thêm công trình công viên thánh tích ở trước chùa để cử hành nghi lễ, đồng thời mở rộng đường Sư Vạn Hạnh để thuận tiện đi lại cho khách hành hương. Những năm gần đây, lễ hội

¹ Trong bài viết này chúng tôi dùng tên gọi là chùa Quan Âm.

chùa Quan Âm diễn ra thường niên, thời gian kéo dài trong 3 ngày, từ ngày 17 đến ngày 19 tháng Hai (Âm lịch), trong đó ngày 19 là ngày chính hội. Lễ hội là dịp nhà chùa tổ chức cầu nguyện cho “quốc thái dân an”, “thế giới hòa bình”, cũng là dịp để mọi người vui vẻ, đoàn kết, chia sẻ với nhau, từ đó họ soi mình vào bản sắc văn hóa dân tộc, quốc gia, khu vực mà hướng nguyện đến chân - thiện - mỹ.

3. Diễn trình lễ hội

Lễ hội chùa Quan Âm vừa mang sắc thái tôn giáo, vừa kết hợp với văn hóa tín ngưỡng bản địa. Đây là một trong 15 lễ hội lớn cấp quốc gia được tổ chức khá quy mô và thu hút đông đảo tín đồ Phật tử hành hương và du khách tới tham quan (Nguyễn Thị Hồng Đào, 2018: 2).

Lễ hội gồm hai phần chính: *phần lễ* quan trọng nhất là nghi thức rước kiệu và *phần hội* với nhiều hoạt động văn hóa phong phú.

Công tác chuẩn bị cho lễ hội được tiến hành từ đầu tháng Hai âm lịch, với sự tham gia của nhà chùa, chính quyền địa phương. Ban tổ chức lễ hội thành lập các tiểu ban để tổ chức lễ hội: Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm chỉ đạo toàn bộ việc tổ chức lễ hội; Ban Tổ chức trực tiếp thiết kế chương trình lễ hội; Các tiểu ban được phân công phụ trách các mảng công việc riêng. Điều này rất khác với mô hình tổ chức lễ hội ở đình, đền, chùa ở khu vực Bắc bộ và Nam bộ (do cộng đồng tự thảo luận, tự lựa chọn hình thức tổ chức lễ hội, chính quyền không can thiệp) (PVS Thượng tọa Thích Phương Tâm, chùa Quan Âm).

Trong ngày 17 tháng Hai (Âm lịch), nghi lễ mở đầu cho lễ hội chùa Quan Âm là lễ khai mạc Hội cờ làng, tiếp đó là: lễ khai kinh thượng phan, thượng kỳ; khai mạc triển lãm tranh ảnh, thư pháp, thư họa; mở

cửa tham quan tự do Bảo tàng văn hóa Phật giáo; khai mạc trình diễn văn nghệ dân gian hô hát Bài chòi; lễ dâng hương tưởng niệm Huyền Trân công chúa tại miếu Bà, đường Sư Vạn Hạnh...

Đặc biệt, vào mùa lễ hội năm 2019, Ban tổ chức lễ hội chùa Quan Âm đã mời đoàn Phật giáo và Hội bảo tồn văn hóa phi vật thể “Thủy Lục Trai” thành phố Incheon Hàn Quốc đến chùa tham gia trình diễn nghi lễ Nabijum vào chiều ngày 17 tháng Hai (Âm lịch). Đây là nghi lễ của Phật giáo được vinh danh là Di sản văn hóa phi vật thể của Hàn Quốc, nhằm tái hiện lại đời sống sinh hoạt văn hóa tinh thần của các vị tăng sư Hàn Quốc ở chùa, theo phương châm “đời và đạo” song tu. Nghi lễ Nabijum đã thu hút đông đảo tăng ni, Phật tử, đạo hữu và du khách thập phương đến tham dự, chiêm bái.

Lễ thượng phan được hiểu là lễ dựng/ treo phan lên một cây cột cao chừng 10 mét. Đỉnh phan là một hình tròn bằng vải màu vàng, thêu hình “lưỡng long châu nhật”, tựa như một chiếc nón rộng vành, gọi là “*bảo cái*”- đồ quý. Ở giữa là một tấm vải rộng khoảng 60cm, dài 9m, được ghép 5 màu vải (xanh, đỏ, tím, vàng, trắng) tượng trưng cho ngũ sắc và ngũ giới trong đạo Phật, gọi là *tràng phan*.

Ngày 18 tháng Hai (Âm lịch) là lễ rước chân hương: dưới sự điều khiển của ông chủ lễ, đội cầm cờ, khiêng trống chiêng, các pháp sư, tăng ni, Phật tử và người dân trong phường, khách thập phương tạo thành một đội hình rước chân hương nghênh tiếp thánh bà Huyền Trân về chùa dự hội. Kiệu rước về tới chùa, Ban tổ chức dâng hương và thỉnh mời Thánh Bà vào trong chùa bái Phật, nghe kinh, vui hội. Đêm ngày 18, nhà chùa cùng các Phật tử tụng kinh cầu an, sau đó trụ trì chùa lấy đuốc châm vào

cây nến đang cháy trên tam bảo để thực hiện nghi lễ rước ánh sáng đi xung quanh chùa. Ngọn đuốc này được châm sang các ngọn đuốc hay nến “hoa đăng” khác, mang ý nghĩa rằng ánh sáng của Phật Quan Âm soi đường chỉ lối cho chúng sinh ở cõi sa ba thoát khỏi cảnh *u minh* để đến với bến bờ *giác ngộ*, với ước nguyện trí tuệ được khai sáng, lòng từ bi hành thiện, tương thân tương ái được lan tỏa tới mọi người. Đi sau đoàn rước ánh sáng là các tiết mục rước kiệu, múa lân, múa rồng. Tất cả tạo cho đêm hội một không khí lung linh, huyền ảo và linh thiêng.

Ngoài các nghi lễ nêu trên, đêm ngày 18, các pháp sư, thầy cúng còn làm lễ *tế xuân* (cúng sơn thần, thổ địa, thủy thần) tại các miếu trong làng để cầu an cho bách tính. Trong buổi lễ này, các bô lão của phường Hòa Hải, Hòa Quý mặc trang phục lễ chỉnh tề, tay cầm cờ, lọng, đèn lồng cùng đội nhạc cổ và chiêng trống đi theo hành lễ. Các bô lão thắp hương, đọc sớ văn xin các vị thần về chùa dự lễ và ban phước cho người dân địa phương. Khi khấn đến tên các vị thần ở miếu, chủ lễ và pháp sư đều phải “khấn âm” (tức không đọc ra thành lời mà đọc thầm trong miệng) để tỏ lòng tôn kính thần. Sau khi thực hành các nghi lễ tế xuân, đoàn bô lão đi đến bờ sông Cầu Biện để thực hiện nghi lễ “khai hội hoa đăng”, sau đó từ chùa Quan Âm rước đèn hoa đăng, đuốc, kiệu Phật Bà đi qua các khu phố sang làng chạ khắc đá mỹ nghệ và khu du lịch Non Nước rồi trở về khán đài trước sân chùa, với lộ trình dài gần 3 km. Khi đoàn rước đi qua, các gia đình hai bên đường đều đặt lễ vật trên bàn ở trước cửa nhà hay cửa cổng để thắp hương đón Phật Bà, mong được phù giúp, may mắn, an lạc...

Vào sáng sớm ngày 19 tháng Hai (Âm lịch), tất cả các vị sư và Phật tử về dự hội

thực hiện nghi lễ “khai kinh” cầu nguyện cho quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, vạn vật sinh sôi phát triển, người an vật thịnh; thuyết giảng về hạnh nguyện Bồ Tát Quan Thế Âm với việc linh ứng phù giúp chúng sinh khi gặp phải hoạn nạn, khó khăn, ốm đau. Mục đích của nghi lễ là tán dương công đức của Ngài và cầu mong cho quốc gia, dân tộc được bình an, thịnh vượng. Kế tiếp là nghi thức “trai đàn chẩn tế” diễn ra tại trước sân chùa, với ý nghĩa cầu siêu, cúng thập loại (10 loại) chúng sinh cô hồn (những người liệt sĩ tử trận ngoài chiến trường vì độc lập dân tộc, những người bị tai nạn giao thông trên đường hay đắm thuyền, đuối nước ở sông biển, tổ tiên của các gia đình Phật tử được ghi danh để làm lễ cầu siêu phả độ gia tiên). Trong nghi lễ này, nhà chùa mời các bậc tăng sư có giới phẩm cao và đạo hạnh tốt đứng ra cầu nguyện theo nghi thức Phật giáo.

Đặc biệt, vào khoảng 10 giờ sáng ngày 19, nghi lễ rước hình tượng Phật Quan Âm (do một thanh nữ đủ đức, đủ tài thủ vai) được xem là nghi thức trọng đại và linh thiêng nhất của lễ hội. Đi đầu là đội cầm cờ hội, tiếp đến là đội chiêng trống, đội tế, đội dâng hương, kiệu Phật Bà Quan Âm, các nhà sư, những người dự hội. Những người tham gia đội rước kiệu đều mặc trang phục lễ hội truyền thống, tất cả thể hiện sự nghiêm trang và thành kính. Đoàn rước xuất phát từ chùa Quan Âm, qua đường Sư Vạn Hạnh ra bến Cầu Biện rồi rước kiệu lên thuyền và cho thuyền đi xung quanh sông Cổ Cò, sau đó trở về chùa. Nghi lễ này mang ý nghĩa rằng Phật Bà Quan Âm đang tuần du trên sông, biển để quan sát, cứu nạn, phù giúp cho ngư dân đi biển được thuận buồm xuôi gió. Ban tổ chức thay phiên nhau dâng hương, thắp nến trên kiệu rước của Phật Bà, tránh để hương, nến bị

tắt. “Ánh sáng của đèn/nến là biểu tượng ánh sáng của Phật Bà đã hiển linh ban phát cho mọi người dự hội được mạnh khỏe, bình an và may mắn. Nếu trong chùa xảy ra việc ngoài ý muốn hay ngọn nến trên kiệu Phật Bà bị tắt, nghĩa là có nguy hiểm hoặc phát sinh sự việc không hay đã được Ngài hiển linh mách bảo trước” (PVS ông Nguyễn Bá Trung, 55 tuổi, phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn).

Trong các ngày diễn ra lễ hội đều có nghi thức tụng kinh, niệm Phật, đọc văn tế, dâng lục cúng (hương, hoa, trà, quả, oản, nước) vào các buổi trưa và chiều dưới sự điều khiển của chủ lễ.

Lễ hội chùa Quan Âm là lễ kỷ niệm ngày vía Phật Bà Quan Âm đản sinh nên lễ hội này mang tính tín ngưỡng dân gian nhiều hơn là nghi lễ mang tính kỷ niệm. Điều này cũng đồng thuận với quan điểm cho rằng “tín ngưỡng thực ra là tôn giáo” (Nguyễn Thị Hiền, 2012: 24).

Phân hội chùa Quan Âm diễn ra khá sôi nổi với các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao mang đậm sắc thái văn hóa dân tộc xen lẫn với văn hóa địa phương: hóa trang cô thanh nữ thành hình tượng Phật Bà, hát dân ca, hát bội/tuồng, thi đánh cờ người, viết thư pháp, vẽ tranh thủy mặc, điêu khắc đá, múa tứ linh, thả đèn hoa đăng trên sông, bơi chải, thi ẩm thực, thuyết minh về di tích danh thắng Ngũ Hành Sơn... Tùy thuộc vào kinh phí tổ chức lễ hội hằng năm nhiều hay ít mà ban tổ chức lễ hội sẽ quyết định tổ chức các hoạt động cụ thể.

Năm 2019, chính quyền thành phố Đà Nẵng cấp kinh phí hoạt động lễ hội, chùa Quan Âm đã tổ chức một loạt các sự kiện trước ngày diễn ra lễ hội (ngày 16 tháng Hai âm lịch): khai mạc triển lãm mỹ thuật tranh ảnh thiền của thiền sư - họa sĩ Thích Viết Thanh (Phó ban trị sự kiêm Trưởng ban

Hoàng Pháp Trung ương giáo hội Phật giáo Việt Nam tại Đà Lạt); viết thư pháp, thư họa; giao lưu đêm thơ - nhạc; ra mắt đặc san *Diệu Âm lễ hội 2019*; tổ chức chương trình thiền võ đạo Hàn Quốc do các thiền sư Hàn Quốc biểu diễn phục vụ khách tham quan lễ hội.

Vào mùa lễ hội năm 2019, nhiều Hội Quán Quan Âm đến từ các nước Myanmar, Ấn Độ, Hàn Quốc, Nhật Bản... cũng đến tham dự lễ hội và giao lưu văn hóa (viết thư pháp, trưng bày tranh Phật giáo, trình diễn võ thuật, tu thiền, thuyết giảng về truyền thuyết và danh hiệu Phật Bà Quan Thế Âm...).

4. Các chức năng xã hội của lễ hội chùa Quan Âm

Lễ hội chùa Quan Âm không chỉ thể hiện những nét đẹp văn hóa, phong tục truyền thống của người dân mà còn hàm chứa cả các chức năng xã hội. Các nghi lễ được thực hiện trong lễ hội mang đậm đặc thù của tập tục và văn hóa địa phương (Vũ Hồng Thuật, 2014: 8). Xét từ góc độ tôn giáo, tín ngưỡng, nghi thức và hoạt động của lễ hội chùa Quan Âm có các chức năng xã hội chính sau:

* Chức năng an ủi

Việc thờ Đức Quan Âm làm Phật chủ trong động Quan Âm và tổ chức lễ hội chính vào ngày 19 tháng Hai (Âm lịch) là cả một quá trình thần thánh hóa từ tín ngưỡng thờ đa thần thành lễ hội Phật giáo bảo hộ cho quốc thái dân an. Với các phân lễ và hội đã trình bày ở trên, tất cả đều biểu đạt đức tin đối với Đức Bồ Tát Quan Thế Âm, mong muốn được phù trợ “quốc thái dân an”. Qua quan sát, tham dự lễ hội năm 2018, 2019, chúng tôi nhận thấy, mặc dù nhà chùa đã chuẩn bị đầy đủ lễ vật dâng cúng Phật và tụng kinh niệm Phật cầu an cho mọi người dự lễ, nhưng các Phật tử địa phương, khách hành hương đều mang lễ vật đến chùa thắp

hương thành kính mong được an ủi, phù trợ. “Ngày đàn sinh Đức Bồ Tát Quan Thế Âm thì chùa nào trên cả nước cũng tổ chức nghi lễ. Tuy nhiên, chúng tôi hành hương về chùa Quan Âm chiêm bái bởi năm ngọn núi đều có chùa, tạo nên vùng đất linh thiêng. Đồng thời, chúng tôi có thể tham gia nhiều hoạt động giao lưu văn hóa Phật giáo tại các ngôi chùa ở khu danh thắng này để cầu mong Phật ban sức khỏe, hạnh phúc cho bản thân, gia đình, tìm thấy sự an vui trong cuộc sống” (PVS bà Nguyễn Thị Tuyết, 42 tuổi, Hội An, Quảng Nam).

** Chức năng tưởng nhớ*

Ngoài sự sùng bái đối với Phật Bà Quan Âm, khách hành hương còn thể hiện sự sùng bái với nhiều vị thánh thần khác có nguồn gốc từ tín ngưỡng dân gian. Tiến trình cử hành nghi lễ, đọc chúc văn, bái tạ Phật thánh sau mỗi lần làm lễ... là biểu hiện của sự tri ân đối với: Phật Bà; Huyền Trân công chúa; thánh sư nghề chạm khắc đá; tổ sư - tăng sư khai sáng các ngôi chùa trong quần thể di tích danh thắng Ngũ Hành Sơn; thần linh bản xứ, thành hoàng - các bậc tiền hiền đã có công khai phá, lập làng, khuyến nhủ con cháu vượt qua khó khăn, hăng say lao động, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, xã hội an bình.

Mỗi nghi thức thờ cúng trong lễ hội chùa Quan Âm đều hàm chứa ý nghĩa rằng các phong tục địa phương giao hòa với nghi thức văn hóa Phật giáo. Việc người dân địa phương dâng cúng lễ vật lên Phật Bà thờ tại gia, lên các thánh thần được thờ ở các đền, miếu, cúng cô hồn ở trước nhà... là thể hiện sự tưởng nhớ và cảm tạ công ơn của các bậc tiền nhân - những người đã tạo dựng khai canh lập hương, khai phá thạch sơn, hang động xây chùa tháp, truyền bá đạo Phật, hướng chúng sinh đến chân - thiện -

mỹ. Niềm tin tôn giáo và lễ hội như nhắc nhở mọi người luôn nhớ về cội nguồn lịch sử mà tu dưỡng bản thân và không ngừng phấn đấu cho cuộc sống âm no, hạnh phúc.

** Chức năng giáo dục*

Lễ hội chùa Quan Âm không chỉ thu hút các vị tăng ni, Phật tử mà còn thu hút cả khách du lịch trong và ngoài nước. Nhà chùa, người dân địa phương căn cứ vào những tiêu chuẩn về hành vi ứng xử và niềm tin tôn giáo tín ngưỡng để bầu chọn các thành viên tham gia đội hình rước kiệu, công tác tổ chức, hậu cần, tiếp đón, bàn ghi công đức... Việc được chọn là thành viên trong đội tế, âm nhạc, dâng hương, phục vụ lễ hội,... được coi là niềm vinh dự của những người dân địa phương.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập và tốc độ đô thị hóa mạnh mẽ ở Ngũ Hành Sơn hiện nay, lễ hội chùa Quan Âm có vai trò giáo dục văn hóa cho cộng đồng, cũng là thước đo vô hình để điều chỉnh hành vi của các cá nhân trong gia đình và ở cộng đồng, của người dân địa phương và cả khách du lịch. Sự đoàn kết giữa các vị tăng sư trụ trì tại các ngôi chùa với người dân, chính quyền địa phương trong quá trình tổ chức lễ hội cũng là yếu tố góp phần giáo dục truyền thống tốt đẹp cho người dân.

** Chức năng cố kết cộng đồng*

Lễ hội chùa Quan Âm là một hình thức hoạt động tôn giáo tín ngưỡng mang tính cộng đồng. Mỗi người dân tham gia lễ hội đều thể hiện cái tâm và trách nhiệm của bản thân với Phật thánh, với ước vọng Phật phù hộ cho sức khỏe, bình an, may mắn.

Sự tham gia của đông đảo người dân địa phương còn thể hiện tính cố kết cộng đồng làng xã. Trong ngày hội, hầu hết người dân địa phương, kể cả những người đi làm ăn ở xa đều về dự hội, góp tiền công đức để tổ chức lễ hội hay sửa sang chùa. Người dân

các tỉnh lân cận thuộc miền Trung, khách du lịch trong và ngoài nước đến Đà Nẵng cũng tham dự lễ hội để tìm hiểu văn hóa truyền thống nơi đây, đồng thời còn góp phần cổ kết cộng đồng bền vững. “*Thông qua lễ hội, chúng tôi sẽ nỗ lực để xây dựng đời sống văn hóa của nhân dân ngày càng phong phú, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc được phát huy, nhiều chuẩn mực văn hóa, đạo đức mới được hình thành, phát triển*” (PVS thượng tọa Thích Huệ Vinh, chùa Quan Âm).

Kết luận

Lễ hội chùa Quan Âm đã góp phần bổ sung vào kho tàng di sản văn hóa dân tộc, tạo nên một bức tranh lễ hội Việt Nam đa màu sắc, với nghiêu nghi thức, nghi lễ vừa mang yếu tố văn hóa Phật giáo, vừa mang yếu tố văn hóa dân gian ở khu vực miền Trung. Nó đáp ứng được nhu cầu văn hóa tinh thần của người dân địa phương. Lễ hội chùa Quan Âm vừa thể hiện yếu tố tâm linh tín ngưỡng, tôn giáo, vừa mang hơi thở của cuộc sống đương đại. Đây là nét đẹp văn hóa tâm linh của lễ hội chùa Quan Âm, nó đã góp phần khơi dậy được lòng từ bi, hỉ xả, hướng thiện của Phật tử, góp phần gắn Đạo pháp với dân tộc, dân tộc với Đạo pháp.

Lễ hội chùa Quan Âm không chỉ có tầm ảnh hưởng lớn với kho tàng di sản văn hóa

Phật giáo ở trong nước mà còn có sức lan tỏa tới Phật giáo các nước châu Á và Đông Nam Á. Đây là một bước ngoặt trong việc kết nối văn hóa Phật giáo Việt Nam với văn hóa Phật giáo quốc tế trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Lễ hội chùa Quan Âm là dịp để giao lưu giữa các nền văn hóa Phật giáo trong khu vực, cùng nhau tôn vinh tư tưởng tiến bộ của Đức Phật, từ đó áp dụng vào đời sống thường ngày để hướng tới cuộc sống hòa bình, an lạc” □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hồng Đào (2018), *Lễ hội chùa Quan Âm*, Khóa luận cử nhân, Khoa Khoa học xã hội và nhân văn, trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng.
2. Nguyễn Thị Hiền (2012), “Khái niệm tôn giáo từ góc độ nhân học”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 10 (112), tr. 24-33.
3. Vũ Hồng Thuật (2014), “Lễ hội đình Trảng Vĩ”, *Tạp chí Nghiên cứu văn hóa dân gian*, số 1 (151), tr. 1-10.
4. Ủy ban nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, *Giới thiệu chung về quận Ngũ Hành Sơn*, <https://nguahanhson.danang.gov.vn/gioi-thieu>, truy cập ngày 01/7/2019.
5. *Lễ hội Quán Thế Âm Đà Nẵng 2019*, <https://danangfantasticity.com/tin-tuc/le-hoi-quan-the-am-da-nang-2019.html>